

Phần Thứ Nhất: XỨ CỦA BA KIẾT

Ba kiết là Thân kiến, giới đạo, nghi.

Hỏi: Ba kiết có tánh gì?

Đáp: Thân kiến: Ba cõi có một loại. Về Giới đạo, ba cõi có hai loại, sáu thứ này. Về Nghi, ba cõi có bốn loại, mười hai loại này. Tổng cộng hai mươi một loại, là tánh của ba kiết. Tánh của ba kiết này đã gieo trồng các thứ hiện có nơi thân tướng một cách tự nhiên.

Đã nói về tánh rồi, sẽ nói về hành.

Hỏi: Vì sao nói là kiết? Nghĩa kiết thế nào?

Đáp: Ràng buộc là nghĩa của kiết, nghĩa khổ trói buộc là nghĩa của kiết, nghĩa chất độc lẫn lộn là nghĩa của kiết. Nghĩa ràng buộc là nghĩa của kiết: sự ràng buộc là kiết, kiết là ràng buộc.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Vì có Khế kinh. Khế kinh ấy nói: Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la: Hiền giả Câu-hi-la nghĩ sao? Mắt lệ thuộc sắc, hay sắc lệ thuộc mắt?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất! Không phải mắt lệ thuộc sắc, không phải sắc lệ thuộc mắt, cho đến ý, pháp không phải ý lệ thuộc pháp, không phải pháp lệ thuộc ý, chỉ vì trong ấy, hoặc dâm, hoặc dục là sự trói buộc của mắt, của sắc kia. Tôn giả Xá-lợi-phất! Ví như hai con bò: một đen, một trắng, một chiếc ách, một sợi dây cột lại với nhau. Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người nói thế này: Bò đen trói con bò trắng, bò trắng trói con bò đen. Tôn giả Xá-lợi-phất! Người kia nói có bình đẳng không?

Đáp: Không! Hiền giả Câu-hi-la!

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Hiền giả Câu-hi-la! Chẳng phải con bò đen trói con bò trắng, không phải bò trắng trói con bò đen, mà chính là sự trói buộc của chiếc ách, và sợi dây là sự trói buộc của bò kia.

Đúng thế, Tôn giả Xá-lợi-phất! Không phải mắt trói buộc sắc, không phải sắc trói buộc mắt, cho đến ý, pháp, không phải ý lệ thuộc pháp, pháp không lệ thuộc ý, chỉ trong đây, hoặc dâm, hoặc dục là sự trói buộc của mắt, của sắc kia (Trích kinh: Tạp A-hàm). Đây là nói ng- hĩa ràng buộc là nghĩa của kiết.

Nghĩa khổ trói buộc là nghĩa của kiết: Tức kiết ở cõi Dục, chúng sinh cõi Dục, nổi khổ trói buộc trong cõi Dục. Kiết ở cõi Sắc, chúng sinh ở cõi Sắc, nổi khổ trói buộc nơi cõi Sắc. Kiết ở cõi Vô Sắc, chúng sinh

ở cõi Vô Sắc, nổi khổ trôi buộc ở cõi Vô Sắc. Các kiết ở cõi Dục, người ở cõi Dục kia là tướng trôi buộc. Trong nổi khổ trôi buộc không phải là niềm vui. Các kiết của cõi Sắc, Vô Sắc, người cõi đó là trạng mao trôi buộc, trong nổi khổ trôi buộc, không phải niềm vui. Đây là nói nghĩa khổ trôi buộc là nghĩa của kiết.

Nghĩa độc hại xen lẫn là nghĩa của kiết: Chánh thọ của thế tục, chỗ sinh rất tốt đẹp, như giải thoát, trừ nhập, tất cả nhập, vì kiết vị Thánh dứt trừ là chất độc lẫn lộn. Như thức ăn rất ngon ngọt là chất độc xen lẫn, người trí tuệ có thể dứt bỏ, vì chất độc xen lẫn cũng thế, nơi sinh rất tốt đẹp là chánh thọ của thế tục, Bậc Thánh kia có thể dứt bỏ chất độc xen lẫn của kiết.

Đây là nói nghĩa trôi buộc là nghĩa của kiết, nghĩa khổ trôi buộc là nghĩa của kiết, nghĩa độc hại xen lẫn là nghĩa của kiết. Như trong Khế kinh Đức Phật nói: Ba kiết hết là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Như tám mươi tám kiến mà A-tỳ-đàm đã nói, đã dứt hết là Tu-đà-hoàn, như ví dụ ao hoa. Khế kinh đã nói: Vô lượng khổ hết là Tu-đà-hoàn (Trích kinh: Tạp A-hàm). Vì sao nói ba kiết hết là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Vì đây là lời nói khác của Đức Thế Tôn, nói tóm tắt, vì muốn cho việc làm đi đôi với lời nói, nghĩa là Đức Thế Tôn vì giáo hóa chúng sinh.

Hoặc nói: Vì mọi người, vì quyến thuộc, vì đồ đựng (khí), vì giáo hóa. Chúng sinh kia là người tiếp nhận Phật hóa, có thể biện minh, nói ngắn ấy việc.

Hoặc nói: Pháp mà Phật, Thế Tôn nói đều vì giáo hóa chúng sinh, như thầy thuốc điều trị lành các chứng bệnh, đều vì người bệnh. Thầy thuốc kia vì người bệnh, tra xét, chẩn đoán biết rõ căn bệnh, nói là tùy chứng bệnh cho thuốc, không nói là bệnh giảm ít, e bệnh sẽ không lành, cũng không nói chứng bệnh tăng, vì e dứt bỏ công sức, chỉ nói trung bình, vì muốn cho chóng khỏi. Như pháp mà Phật, Thế Tôn đã nói, đều vì mục đích giáo hóa. Đức Thế Tôn vì người tiếp nhận Phật hóa, biết thân, biết kiết sử xong, trao cho họ thuốc đạo, cũng không nói là thuyên giảm, vì e chứng bệnh kiết dây dưa không dứt, cũng không nói là chứng bệnh gia tăng, vì e phí công sức vô ích, mà chỉ nói trung bình.

Hoặc nói: Vì khuyến dụ tinh tiến để giáo hóa, vì để việc dễ thực hành, vì tận tụy nâng đỡ, giúp sức, trong đây, nên nói thí dụ về Bạt-kỳ-tử:

Có thuyết nói: Có Tỳ-kheo tên Bạt-kỳ-tử, ở trong giáo đoàn

của Thế Tôn, làm Sa-môn. Đức Thế Tôn đã vì ông dần dần lập ra hai trăm năm mươi giới. Ông ta nghe xong, chán nản đến chỗ Thế Tôn, nói: Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lập ra hai trăm năm mươi giới, cứ nửa tháng sẽ khiến các đệ tử học, cúi mong Đức Thế Tôn xót thương, vì con không thể thực hành ngần ấy giới. Đức Thế Tôn đã khéo dùng lời khuyên không thô: Lành thay, lành thay! Bạt-kỳ-tử! Ông có thể thực hành ba giới là: Giới tăng thượng, ý tăng thượng và tuệ tăng thượng được không? Nghe Phật nói xong, Bạt-kỳ-tử hớn hở nghĩ rằng: “Ta có thể thực hành tốt ba giới này!” Nghĩ rồi, Bạt-kỳ-tử bèn nói: Vâng, bạch Thế Tôn! Con sẽ học. Bạch đấng Thiện Thệ! Con sẽ thực hành đầy đủ. Sau khi học ba giới kia, liền học dần dần tất cả biển giới!

Nếu Đức Thế Tôn vì giáo hóa như thế, nói tám mươi tám kiến đã dứt trừ hết, Tu-đà-hoàn dứt hết vô lượng khổ, là Tu-đà-hoàn. Tỳ-kheo kia nghe xong nhàm chán: Ai có thể phá tan tám mươi tám núi khổ này? Ai có thể nhổ được rễ của tám mươi tám gốc cây khổ này? Ai có thể lội qua tám mươi tám con sông khổ này? Ai có thể tát cạn tám mươi tám biển khổ này?

Như trong Khế kinh của Phật nói: Ba kiết hết là Tu-đà-hoàn. Người tiếp nhận Phật hóa kia vừa nghe xong, bèn nêu ước muốn: Ta có thể cắt đứt tốt ba kiết này. Khi dứt trừ ba kiết kia, sẽ dần dần dứt trừ hết tất cả các kiến, kiết. Đây là nói vì khuyến dụ tinh tiến để giáo hóa, vì để việc dễ thực hành, vì ra tay nâng đỡ, giúp sức, nên trong đây nói thí dụ về Bạt-kỳ-tử (xuất xứ từ Luật).

Hoặc nói: Tai hại đầy đầy, lỗi nặng, nhiều đau khổ.

Hỏi: Thân kiến có những tai họa dữ dội nào?

Đáp: Thân kiến là gốc của sáu mươi hai kiến. Kiến là rễ của kiết, kiết là rễ của hành, hành là rễ của báo. Tất cả y báo của thế gian, y báo đã là báo vô ký của cõi trong sinh tử, thú hưởng pháp thiện, thú hưởng pháp bất thiện, thú hưởng pháp vô ký.

Hỏi: Giới đạo có nhiều tai họa dữ dội nào?

Đáp: Trong giới đạo nảy sinh các khổ hạnh.

Hỏi: Nghi có nhiều tai hại dữ dội nào?

Đáp: Vì quá khứ nên hoài nghi, do dự, vì vị lai nên hoài nghi, do dự, vì hiện tại nên do dự, nghi ngờ, trong đó, do dự, hoài nghi: Điều này thế nào? Sao nói việc này? Chúng sinh này từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Nhân nào? Cõi nào? Đây nói là tai hại dữ dội, lỗi lầm nặng, khổ đau nhiều.

Hoặc nói: Vì công đức, oán thù.

Hỏi: Thế nào là công đức?

Đáp: Là quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Quả kia sao gần, không gần kẻ oán?

Đáp: Là do ba kiết.

Hoặc nói: Khi chứng quả Tu-đà-hoàn, vì tạo ra chướng ngại, không cho vào cửa, làm người đứng như giữ cửa.

Hoặc nói: Là trái với ba môn giải thoát. Thân kiến kia trái với môn giải thoát Không, giới đạo trái với môn giải thoát Vô nguyện, nghi trái với môn giải thoát Vô tướng. Đây nói là trái với ba môn giải thoát. Vì lý do này, nên như thế.

Hoặc nói: Nói là dứt hết không còn sót, cho đến A-la-hán cũng có thân kiến tương tự mắc phải khổ. Vị trí trí dứt hẳn. Thân kiến kia đã hết, đã biết, cho đến A-la-hán cũng có tương tự. Như A-la-hán kia nghĩ rằng: Là y bát của ta, là đệ tử Sa-di của ta, là nhà của ta, vườn của ta, dường như có ngã. Giới trộm được đạo, trí vị trí đã dứt hẳn, giới đạo kia đã hết, đã biết, cho đến A-la-hán cũng có tương tự. Như A-la-hán kia đi khát thực, mặc y phấn tảo, ngồi ngoài trời, thọ mười hai tịnh hạnh của Sa-môn, giống như bậc tịnh hạnh.

Ngờ vực được đạo, trí vị trí hết hẳn. Người kia đã hết, đã biết, cho đến A-la-hán cũng có tương tự. A-la-hán kia đã thấy hai đạo mà nghi ngờ, chẳng biết đây có phải là đạo hay không! Thấy hai y mà ngờ vực chẳng biết đây có phải là y của ta, hay không? Thoáng trông thấy từ xa mà ngờ vực: Chẳng biết người ấy là nam, hay nữ, chớ nghĩ rằng: A-la-hán nhất định không dứt hết lậu này, Tu-đà-hoàn còn dứt hết lậu, huống chi là A-la-hán.

Vì lẽ đó nên nói: Ba kiết hết, là Tu-đà-hoàn!

Hoặc nói: Hiện môn, hiện lược, hiện độ này, nếu có người kiến dứt trừ kiết, thì hoặc một thứ, hai thứ, bốn thứ. Thân kiến kia đã nói, nên biết đã nói một thứ. Giới đạo đã nói, phải biết đã nói hai thứ. Mặc dù không có hai kiết khác mà có thể đạt được hai thứ, nên biết đó là hai thứ của giới đạo và pháp tương ứng. Nghi đã nói, phải biết đã nói bốn thứ.

Hoặc nói: Nếu có người kiến dứt trừ kiết, hoặc Nhất thiết biến của giới mình, hoặc không phải Nhất thiết biến của giới mình. Thân kiến đã nói, phải biết đã nói Nhất thiết biến của giới mình. Giới đạo nghi đã nói, phải biết là đã nói, chẳng phải Nhất thiết biến của giới mình.

Hỏi: Vì sao nói một Nhất thiết biến của giới mình, hai không phải Nhất thiết biến của giới mình?

Đáp: Nếu người kia không phải kiết Nhất thiết biến của giới mình,

hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu, thì giới đạo, thân kiến kia đã nói, nên biết đã nói duyên hữu lậu. Nghi đã nói, nên biết đã nói duyên vô lậu. Như Nhất thiết biến của giới mình không phải Nhất thiết biến của giới mình.

Như thế, Nhất thiết biến của địa mình, chẳng phải Nhất thiết biến của địa mình, duyên của giới mình chẳng phải là duyên của giới mình, duyên của địa mình không phải là duyên của địa mình, đều phải biết.

Nếu có người kiến dứt kiết, hoặc duyên hữu lậu, hoặc duyên vô lậu, giới đạo, thân kiến kia đã nói, nên biết, đã nói duyên hữu lậu. Nghi đã nói, phải biết, đã nói duyên vô lậu.

Hỏi: Vì sao hai duyên hữu lậu, một duyên vô lậu?

Đáp: Nếu có người kiết duyên hữu lậu, hoặc Nhất thiết biến của giới mình chẳng phải Nhất thiết biến của giới mình. Thân kiến kia đã nói, nên biết đã nói Nhất thiết biến của giới mình. Giới đạo, nghi đã nói, phải biết đã nói không phải Nhất thiết biến của giới mình.

Như duyên hữu lậu, duyên vô lậu, như thế cạnh tranh - không cạnh tranh, thế gian, xuất thế gian, tru, không trụ, dựa vào dục, không dựa vào dục, đều nên biết.

Nếu có người kiến dứt kiết, hoặc duyên hữu vi, hoặc duyên vô vi, thân kiến, giới đạo kia đã nói, phải biết đã nói duyên hữu vi. Nghi đã nói, phải biết đã nói duyên vô vi.

Như duyên hữu vi, duyên vô vi, như thế, duyên hữu thường, duyên vô thường, duyên không hằng, duyên có hằng, duyên có dừng, duyên không dừng lại, đều phải biết.

Hoặc nói: Nếu người có kiến dứt kiết, hoặc kiến tánh, không phải kiến tánh, thân kiến, giới đạo kia đã nói, nên biết đã nói kiến tánh. Nghi đã nói, phải biết đã nói chẳng phải kiến tánh. Như kiến tánh, không phải kiến tánh, như thế, quán, chẳng quán, hạnh, chẳng phải hạnh, kiên trì, chẳng kiên trì, cầu, không cầu, chuyển, không chuyển, đều phải biết. Thế nên nói hiện môn, hiện lược, hiện độ.

Do đấy, nên nói ba kiết hết là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn, hay lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn? Nếu bắt đầu được đạo là Tu-đà-hoàn, chỉ ứng với điều thứ tám của Tu-đà-hoàn. Thứ tám là kiên tín, kiên pháp, Tu-đà-hoàn kia bắt đầu được đạo, đạo của kiên tín, đạo của kiên pháp. Nếu bắt đầu được quả là Tu-đà-hoàn, thì người ứng với việc đoạn dứt dục và ái dục gấp bội. Người kia bắt đầu được quả, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm.

Soạn luận này xong. Nói rằng: Lúc mới bắt đầu được đạo là Tu-

đà-hoàn.

Hỏi: Nếu như vậy, ứng với điều thứ tám là Tu-đà-hoàn. Người kia lúc mới được đạo, vào đạo, kiên tín, kiên pháp kia dù mới được đạo là bắt đầu vào khổ.

Hoặc nói: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn. Nếu kiến dứt trừ kiết, hết hẳn, đã biết trái với nhẫn, đã hết, đã biết tà kiến dứt hẳn.

Hoặc nói: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn. Vì người Hữu tướng, vì có thể nói là con người, vì nêu bày rõ cả nhân, pháp.

Hoặc nói: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn, vì tư duy đạo, vì quả gồm nhiếp đạo, vì đạo chưa biết trí.

Hoặc nói: Lúc mới đạo là Tu-đà-hoàn, nếu quyết đoán được ba việc:

1. Được đạo chưa từng được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Hết kiết, được một vị.

Hoặc nói: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn, nếu quyết đoán được năm việc:

1. Được đạo chưa từng được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Kiết hết, được một vị.
4. Được tám trí.
5. Cùng lúc tu mười sáu hạnh.

Hoặc nói: Lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn, có thể có sinh.

Lại có thuyết nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Nếu vậy, dục gấp bội hết, ái dục hết, lẽ ra là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn kia mới được quả, là quả Tư-đà-hàm, hay quả A-na-hàm?

Đáp: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì mới giải thoát, vì đầu tiên được độ, vì đầu tiên trụ quả.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì theo thứ lớp, vì bị ràng buộc, vì không vượt qua thứ lớp.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì quả của bốn hướng, bốn trụ.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì là bốn cặp, tám chiết.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì chưa được tăng hạnh, còn chưa được tăng hạnh, tức là đạo thế gian chưa hết mà được quả.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn, vì không khác nhau.

Không khác nhau, nghĩa là cũng như đạo thể gian ở trên, chưa hết mà được quả.

Hoặc nói: Lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn. Nếu đạo quả không hư hoại, thì địa cũng không hư hoại. Đạo không hư hoại, nghĩa là hoàn toàn là đạo vô lậu được quả. Địa không hư hoại, nghĩa là dựa vào vị lai được, chẳng phải quả A-la-hán khác: Dù đạo không hư hoại, hoàn toàn là đạo vô lậu được quả, nhưng địa vô lậu kia hư hoại, dựa vào chín địa vô lậu, được quả Tư-đà-hàm. Nghĩa là dù địa không hư hoại, dựa vào vị lai được, không phải địa khác, nhưng đạo kia hư hoại, đạo vô lậu của thế gian được quả, quả A-na-hàm: Đạo cũng hư hoại, địa cũng hư hoại. Đạo hư hoại, nghĩa là đạo vô lậu của thế gian được quả. Địa hư hoại, nghĩa là dựa vào sáu địa được. Đạo quả Tu-đà-hoàn này cũng không hư hoại, địa cũng không hư hoại. Do đó, nên mới được quả là Tu-đà-hoàn.

Lại có thuyết nói: Cũng không phải lúc mới được đạo là Tu-đà-hoàn, cũng không phải lúc mới được quả là Tu-đà-hoàn?

Hỏi: Nếu như vậy, thì làm thế nào?

Đáp: Vì quả Tu-đà-hoàn kia, là pháp Tu-đà-hoàn, nên gọi là nhân. Như thang thuốc, vì do thuốc nên gọi là thang thuốc, vì do bơ, nên gọi là bình tô, vì do mật, nên gọi là bình mật.

Cũng thế, pháp Tu-đà-hoàn kia do quả Tu-đà-hoàn nên là Tu-đà-hoàn. Do pháp, nên gọi là nhân, như thang thuốc. Tu-đà-hoàn: tám Thánh đạo, gọi là nước, là nhập đạo Thánh, do đó nên gọi là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Như Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán vào nước Thánh đạo, vì sao không gọi là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Bắt đầu tiếp nhận danh hiệu, mới dùng phương tiện để độ. Vì lý do đó, nên gọi Tu-đà-hoàn, chứ không phải Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Không rơi vào pháp ác: Là không bao giờ rơi vào ba đường ác.

Hỏi: Như Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, cũng không rơi vào pháp ác. Vì sao chỉ nói, Tu-đà-hoàn không rơi vào pháp ác, mà không phải là quả vị khác?

Đáp: Vì mỗi quả vị đều có khác nhau, nên Tu-đà-hoàn này không rơi vào pháp ác, là sự khác nhau. Tư-đà-hàm một lần qua lại (Nhất lai) là sự khác nhau. A-na-hàm không trở lại cõi Dục (Bất hoàn) là sự khác nhau. A-la-hán không trở lại cõi hữu (sinh tử), là sự khác nhau. Đây nói là vì mỗi quả vị đều khác nhau, nên chỉ nói một Tu-đà-hoàn, gọi là không rơi vào pháp ác, không phải Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Hỏi: Như người phàm phu cũng không rơi vào pháp ác. Vì sao nói bậc Thánh không rơi vào pháp ác?

Đáp: Vì Phàm phu kia không nhất định nên rơi vào pháp ác, hoặc không rơi vào pháp ác, bậc Thánh này hoàn toàn không rơi vào pháp ác, không có một vị Thánh nào rơi vào pháp ác. Như phàm phu kia không nhất định, vì thế bậc Thánh, không rơi vào pháp ác không phải phàm phu. Định, nghĩa là nhóm chánh định, trụ, nên gọi là định. Nên nói Tu-đà-hoàn nhất định, nhập Niết-bàn, biến dịch, hưởng đến chánh giác là tận trí, vô sinh trí gọi là giác. Bậc Tu-đà-hoàn kia dựa vào trí tuệ này nên có hưởng, có thú, có lạc, có dục. Thế nên nói hưởng đến chánh giác, còn bảy lần trở lại hữu.

Hỏi: Như vậy, cuối cùng có mười bốn lần trở lại hữu, cuối cùng có hai mươi tám lần trở lại hữu. Nếu lấy số bản hữu, thì bản hữu trên trời có bảy, nhân gian bảy, đây là mười bốn. Nếu lấy số Trung ấm của bản hữu, thì bản hữu trên trời bảy, Trung ấm bảy, bản hữu của nhân gian bảy, Trung ấm bảy, là hai mươi tám.

Vì sao nói cuối cùng bảy lần trở lại hữu là Tu-đà-hoàn?

Đáp: Vì pháp đáng lý là bảy, nên không quá bảy. Vì mỗi cõi, nên Đức Thế Tôn nói cuối cùng là bảy lần trở lại hữu là Tu-đà-hoàn.

Nếu bản hữu trên trời bảy, Trung ấm bảy, bản hữu của nhân gian bảy, Trung ấm bảy, tất cả lần trở lại hữu kia, đều không quá bảy. Do đó, nên Đức Thế Tôn nói: Cuối cùng bảy lần trở lại hữu, là Tu-đà-hoàn. Như Khế kinh khác nói: Bốn Thánh đế, ba lần chuyển mười hai hành, lẽ ra không phải ba lần chuyển mười hai hành, mà phải mười hai lần chuyển, có bốn mươi tám hành; Chỉ vì ba lần chuyển mười hai pháp, không quá ba lần chuyển, mười hai hành. Vì quán mỗi đế, nên Đức Thế Tôn nói bốn Thánh đế, ba chuyển, mười hai hành. Như Khế kinh khác nói: Bảy xứ của Tỳ-kheo, nếu quán nghĩa của ba thứ sẽ nhanh chóng trong pháp này được lậu tận. Ở đây, không thích ứng bảy xứ. Nếu thích ứng thì có ba mươi lăm xứ thiện, cũng có vô lượng xứ thiện. Vì chỉ bảy pháp, nên không quá bảy quán. Vì mỗi ấm, nên Đức Thế Tôn nói: Bảy xứ thiện của Tỳ-kheo, quán ba thứ, nhanh chóng trong pháp này được lậu tận. Như Khế kinh khác nói: Tỳ-kheo! Ta sẽ nói pháp cho nghe. Có hai: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi hương, lưỡi và vị, thân và xúc chạm, ý và pháp. Đây đúng ra không tương ứng với một lần hai mà tương ứng sáu lần hai, chỉ vì hai pháp, nên không quá hai quán, vì mỗi nhập, vì mắt và sắc, cho đến ý và pháp, nên Đức Thế Tôn nói: Tỳ-kheo! Ta sẽ nói pháp cho nghe, có hai.

Như thế, nếu bản hữu trên cõi trời có bảy, trung âm có bảy, bản hữu của nhân gian có bảy, trung âm có bảy thì tất cả không quá bảy, vì mỗi đường, vì cõi trời, vì cõi người, nên Trung âm bảy, vốn có bảy, cho nên mỗi đường Đức Thế Tôn nói: Cuối cùng bảy lần trở lại hữu là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn, cuối cùng bảy lần trở lại hữu, cũng không thêm bớt?

Đáp: Tôn giả Bà Xa nói: Tất cả pháp có nghi đều không trái. Hoặc thêm, hoặc bớt, nghĩa là pháp kia cũng sẽ có nỗi ngờ vực vậy, cho nên nói: Tất cả pháp nghi không trái.

Hoặc nói: Vì pháp kia ngang bằng với nhân báo. Như pháp kia ngang bằng với nhân báo, tất nhiên quả báo lẽ ra phải như thế, cho nên nói là pháp kia ngang bằng với nhân báo.

Hoặc nói: Vì sức của hành, nên Tu-đà-hoàn phải bảy lần sinh trở lại hữu (sinh tử), nhờ năng lực của Thánh đạo, nên không đến tám. Như người bị rấn cản bước bảy bước đi. Người kia vì nhờ sức của bốn đại, nên có thể đi bảy bước, vì ngấm nọc độc, nên không đến bước thứ tám.

Cũng thế, vì hạnh của Tu-đà-hoàn, nên sinh bảy hữu, nhờ năng lực của Thánh đạo, nên không đến tám. Vì vốn có bảy, thế nên trong mỗi cõi, Đức Thế Tôn nói cuối cùng bảy lần trở lại hữu là Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Vì sao Tu-đà-hoàn cuối cùng bảy lần trở lại hữu, cũng không thêm bớt?

Đáp: Tôn giả Bà Xa nói: Vì tất cả pháp có nghi đều không trái. Nếu có thêm, bớt, cũng có nỗi nghi ngờ này, cho nên nói tất cả pháp nghi không trái.

Hoặc nói: Vì pháp kia ngang bằng với nhân báo, nên như pháp kia ngang bằng với nhân báo, vì quả báo ngang bằng, lẽ ra phải thế. Vì vậy nên nói là pháp kia ngang bằng với nhân báo.

Hoặc nói: Nhờ năng lực của hành, nên Tu-đà-hoàn sinh bảy hữu, nhờ năng lực của Thánh đạo, nên không đến tám, như người bước đi bảy bước thì bị rấn cản. Người ấy do năng lực của bốn đại, nên có thể bước đi bảy bước, vì sức ngấm của nọc độc, nên không bước đến bước thứ tám. Cũng thế, vì hạnh của Tu-đà-hoàn, nên sinh bảy hữu, nhờ năng lực của Thánh đạo, nên không đến tám. Vì thế, nên có bảy nơi sinh.

Hoặc nói: Tu-đà-hoàn kia nếu tám lần sinh, sẽ không có Thánh đạo. Nếu Tu-đà-hoàn sinh đến tám hữu thì sự kiến đế của họ đã không phải là kiến đế, sự đắc quả đã không phải là đắc quả, hạnh bằng nhau

đã bị cho là hạnh không bằng nhau, người được làm bậc Thánh đã bị cho là người phạm: không nói là có lỗi. Do đó, nên Tu-đà-hoàn không sinh đến tám hữu (sinh tử).

Hoặc nói: Vì sự hiện hữu trong thế gian. Sự hiện hữu trong thế gian, nghĩa là đến bảy đời, gọi là thân, nếu đến tám thì không phải thân. Như thế, nếu Tu-đà-hoàn sinh đến tám lần, thì trong pháp Phật như số sát sông Hằng, sẽ xa lìa người khác, không thân cận, không nói là có lỗi. Do đó, nên Tu-đà-hoàn không sinh đến tám lần. Nếu cuối cùng Tu-đà-hoàn đủ bảy lần sinh nơi cõi trời, bảy lần sinh trong nhân gian, thì thuyết nói trung bình kia là chỉ Tu-đà-hoàn có sự khác biệt bảy lần sinh trên cõi trời, nhân gian sáu, cõi trời sáu, nhân gian năm, cõi trời năm, nhân gian bốn, cõi trời bốn, nhân gian ba, cõi trời ba, nhân gian hai, cõi trời hai, nhân gian một, chỉ vì Tu-đà-hoàn sinh trên cõi trời bảy lần, nhân gian bảy lần, trong đó nói nếu nảy lần hoàn.

Hỏi: Bảy chỗ đầy đủ nào của Tu-đà-hoàn?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu thân được quả Tu-đà-hoàn, thì thân người đó sẽ được tính trong bảy lần.

Hoặc có thuyết nói về số, hoặc có thuyết không nói về số. Thuyết nói về số, nói: Nếu ở trên trời được quả sẽ nhập Niết-bàn ở nhân gian, được quả ở nhân gian nhập Niết-bàn ở trên cõi trời. Thuyết không nói về số nói: Ở trên trời được quả nhập Niết-bàn trên trời, ở nhân gian được quả nhập Niết-bàn ở nhân gian.

Có người nói như thế này: Nếu trong thân được quả Tu-đà-hoàn, thì thân người ấy sẽ không được kể trong bảy lần

Hỏi: Vì sao?

1. Nhân gian vốn có bảy, trong ấm có bảy,

Đáp: Vì nếu quả Tu-đà-hoàn đã được trong thân người kia, thì chính là lúc ấm phạm phu đang ở trong thân người đó. Nếu thân này được kể là một trong bảy lần thì phải có đến số hai mươi bảy, không nên hai mươi tám.

Nếu vậy thì sẽ trái với thuyết đã lập, thuyết ấy nói: Hai mươi tám hữu kia sinh qua hậu hữu. Về sau, dựa vào chỗ được thân sau, được công dụng của đạo vô lậu dứt hết kiết khác, không nói là có lỗi, là thân Tu-đà-hoàn kia không kể là một trong bảy lần sinh.

Hỏi: Bảy lần sinh hữu là Tu-đà-hoàn. Trong sáu lần sinh, Thánh đạo hiện ở trước, hay không hiện ở trước? Nếu hiện ở trước vì sao không nhập Niết-bàn? Còn nếu Thánh đạo không hiện ở trước, thì ý của Tôn giả kia lẽ ra không có Thánh đạo để soạn luận này xong?

Đáp: Có thuyết nói Thánh đạo hiện ở trước. Hỏi: Vì sao không nhập Niết-bàn?

Đáp: Vì Tu-đà-hoàn kia chuyển vận niềm vui, vì năng lực hành của thế gian, nên không nhập Niết-bàn.

Hỏi: Cuối cùng bảy lần sinh hữu là Tu-đà-hoàn, cuối cùng đầy đủ bảy. Đức Phật chưa ra đời, Tu-đà-hoàn kia là bạch y nhập Niết-bàn là thế nào?

Đáp: Không đúng! Vì Tu-đà-hoàn kia nhất định là xuất gia nhập Niết-bàn. Tu-đà-hoàn kia cũng như thế, hoặc năm trăm, hoặc một ngàn Bích Chi Phật đang ở trong hang núi của vị tiên, vốn đều là Thanh Văn. Cho nên nói cuối cùng bảy lần sinh hữu.

Bảy lần sinh trên cõi trời, nhân gian: Từ trời đến người, từ người đến trời. Như người từ vườn đến vườn, từ lễ hội này đến lễ hội nọ, Tu-đà-hoàn kia cũng như thế. Từ trời đến người, từ người đến trời, cho nên nói bảy.

Sinh qua người, trời: Qua, nghĩa là Trung ấm, sinh nghĩa là bản hữu, nên nói là sinh qua.

Biên khổ của tín:

Hỏi: Biên khổ: Nên nói là ở giữa, hay nói là ngoài? Nếu nói ở giữa, lẽ ra không có biên vực của khổ. Nếu nói là ngoài, thì sự hiện hữu của thế gian kia làm sao hiểu được? Như chiếc thẻ vàng, ở đầu cũng vàng, ở giữa cũng vàng, ở cuối cũng vàng. Cũng thế, Tu-đà-hoàn, đầu tiên cũng khổ, chính giữa cũng khổ, sau cũng khổ.

Hỏi: Vì sao có biên khổ?

Đáp: Soạn luận này xong, có thuyết nói: Ấm sau cùng của A-la-hán là biên khổ một.

Đáp: Có biên khổ như thế, nghĩa là không còn nhận các khổ, không còn vướng mắc các khổ, không còn làm duyên cho nỗi khổ nữa.

Hỏi: Nếu Niết-bàn diệt tận là biên khổ, thì thí dụ làm sao hiểu?

Đáp: Việc này không cần hiểu, vì điều đó cũng không phải Khế kinh, không phải Luật, không phải A-tỳ-đàm. Không nên lấy ví dụ thế gian để làm hư hoại lời nói của Hiền Thánh, vì việc của thế gian khác, việc của Hiền Thánh khác.

Tạo ra biên khổ: Nỗi khổ, nghĩa là năm thịnh ấm. Nỗi khổ ấy là biên, tối biên, biên sau. Cho nên nói: Tạo ra biên khổ. Nói rộng về phạm vi của ba kiết đã xong.
